

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác, chế biến đá xây dựng Giác Lan tại xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng đường sắt Phía Nam**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng đường sắt Phía Nam tại Văn bản số 0525 ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác, chế biến đá xây dựng Giác Lan tại xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 408/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 6 năm 2026.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác, chế biến đá xây dựng Giác Lan (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng đường sắt Phía Nam (sau đây gọi là Chủ

dự án) thực hiện tại xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026; đồng thời, thực hiện công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định trước khi triển khai thực hiện các hạng mục của Dự án.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định<sup>1</sup>: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và kết quả thẩm định hồ sơ Dự án trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Điều 1 của Quyết định này đã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã được phê duyệt. Nếu phát hiện vi phạm, cần xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (cũ) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng Mỏ đá Giác Lan xã Công Hải, huyện Thuận Bắc của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng đường sắt phía Nam.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Công Hải; Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng đường sắt Phía Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận: (VBĐT)**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND xã Công Hải;
- Chủ dự án;
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VP.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Huyền**

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 670/QĐ-SNNMT ngày 11/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA  
DỰ ÁN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN ĐÁ XÂY DỰNG GIÁC LAN TẠI XÃ  
CÔNG HẢI, TỈNH KHÁNH HÒA CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU  
VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG SẮT PHÍA NAM**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên Dự án: Khai thác, chế biến đá xây dựng Giác Lan.
- Địa điểm thực hiện: Xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng đường sắt phía Nam.
- Địa điểm trụ sở: Quốc lộ 1A, xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa.

**1.2. Quy mô, công suất của dự án:**

**1.2.1. Quy mô:**

Tổng diện tích dự án là 11,98 ha (trong đó: diện tích khu vực khai thác là 7,88 ha; diện tích khu vực chế biến là 4,10 ha). Diện tích thực hiện dự án được khống chế bởi các điểm khép góc có tọa độ như sau:

TT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 108 <sup>0</sup> 15', múi 3 <sup>0</sup> )	
		X(m)	Y(m)
<b>Khu vực khai thác</b>			
1	II	1306.433,9	591.931,0
2	III	1306.179,0	592.001,0
3	IV	1306.079,0	591.641,0
4	V	1306.257,0	591.641,0
5	VI	1306.295,2	591.778,3
6	VII	1306.433,9	591.783,4
<b>Khu vực chế biến</b>			
1	D	1.306.116,60	592.019,52
2	E1	1.306.033,00	592.064,00
3	E2	1.306.026,00	592.039,00

4	E3	1.305.955,00	592.070,00
5	E4	1.305.891,00	592.120,00
6	E5	1.305.881,00	592.132,00
7	E6	1.305.856,00	592.139,00
8	F	1.305.817,06	592.101,59
9	G	1.306.019,21	591.846,79
10	H	1.306.087,75	591.841,65

*(Tọa độ các điểm góc khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 25/GP-UBND ngày 20/7/2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (trước đây) cấp phép))*

### 1.2.2. Công suất:

+ Công suất khai thác đá xây dựng: 400.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm tương đương 590.000 m<sup>3</sup> nguyên khai /năm.

+ Công suất chế biến: 400 tấn/giờ.

+ Công suất nghiền - sàng cát nhân tạo: 200.000 m<sup>3</sup> sản phẩm/năm.

*(Quy mô công suất thực tế theo Giấy phép khai thác khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh).*

1.2.3. Thời gian hoạt động của dự án: 4 năm 8 tháng kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Quyết định điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 25/GP-UBND ngày 20/7/2015 *(theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 43121000274 chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp).*

### 1.3. Công nghệ sản xuất:

1.3.1. Công nghệ khai thác: Áp dụng công nghệ khai thác lộ thiên: khoan - nổ mìn khai thác đá gốc; sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện; đá quá cỡ sẽ được xử lý bằng búa đập thủy lực sau đó xúc đá nguyên liệu bằng máy đào lên xe ô tô tự đổ để vận chuyển về khu vực chế biến. Đá nguyên khai được vận chuyển theo tuyến đường nội bộ mỏ đưa đến hệ thống nghiền sàng đá để tạo ra các sản phẩm đá mang đi tiêu thụ.

1.3.2. Công nghệ chế biến đá: Áp dụng công nghệ nghiền ba giai đoạn. Đá nguyên khai được vận chuyển bằng ô tô đưa vào máng cấp liệu, sau đó được chuyển trực tiếp vào hàm sơ cấp nhờ băng chuyền. Đá sau khi nghiền thô qua băng tải sang sàn rung cấp 1, sau đó qua máy nghiền côn và sàng rung cấp 2 để phân ra các sản phẩm 1 x 2; 0 x 4; 2 x 4 và đá mi.

1.3.3. Công nghệ chế biến cát nghiền nhân tạo: Áp dụng công nghệ sản xuất bằng phương pháp nghiền - sàng. Đá nguyên khai không đạt yêu cầu làm đá xây dựng được chuyển trực tiếp vào phễu nạp liệu của dây chuyền sản xuất. Từ phễu nạp liệu, nguyên liệu được băng tải đưa đến hệ thống nghiền - sàng cát nhân tạo để tạo ra sản phẩm cát nghiền nhân tạo mang đi tiêu thụ.

#### 1.4. Phạm vi:

##### 1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

###### a) Các hạng mục công trình:

- Khu vực khai thác có diện tích 7,88 ha.
- Khu vực chế biến có diện tích 4,10 ha gồm các hạng mục công trình: hệ thống nghiền sàng đá xây dựng, hệ thống nghiền sàng cát nhân tạo, trạm điện, trạm cân, bãi chứa sản phẩm,...
- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:
  - + 01 bể tự hoại dung tích 4,5 m<sup>3</sup> và 01 hệ thống xử lý sinh học công suất 4,0 m<sup>3</sup>/ngày tại khu nhà điều hành mỏ.
  - + 02 ao lắng 2.000 m<sup>2</sup> và 100 m<sup>2</sup> đào bằng đất lưu chứa nước mưa.
  - + 01 bể lắng 06 ngăn được xây dựng bằng bê tông cốt thép có dung tích 192 m<sup>3</sup> và 01 ao lắng 500 m<sup>2</sup> được lót bạt chống thấm HDPE dày khoảng 0,5 mm tại khu chế biến để lưu chứa nước thải sản xuất.
  - + 01 hệ thống phun nước dập bụi tại khu vực chứa đá thành phẩm gồm: máy bơm cao áp 1HP, 01 ống dẫn nước và 01 bồn chứa nước 4 m<sup>3</sup>.
  - + 01 hệ thống phun sương dập bụi tại trạm nghiền sàng đá gồm: 12 béc phun (tại các vị trí: khu cấp liệu và kẹp hàm, khu kẹp đôi thứ cấp, khu máy nghiền côn, sàng phân loại, đầu băng tải, đổ liệu thành phẩm), 01 máy bơm có công suất 5kW, hệ thống ống dẫn nước PVC.
  - + 01 hệ thống phun nước dập bụi tại trạm nghiền sàng cát nhân tạo, lắp đặt 01 hệ thống phun sương dập bụi gồm: 12 béc phun (tại các vị trí: khu cấp liệu 02 béc phun, khu nghiền tinh tạo cát 04 béc phun, các điểm chuyển tiếp băng tải 02 béc phun, khu xuất liệu và chứa cát thành phần 02 béc phun), máy bơm 5kW, hệ thống ống dẫn nước PVC.
  - + 01 xe bồn để phun nước dập bụi có dung tích 4 m<sup>3</sup>.
  - + 01 kho chất thải nguy hại có diện tích 10 m<sup>2</sup>.

###### **b) Các hoạt động của dự án:**

- Hoạt động thi công, lắp đặt bổ sung một số hạng mục công trình.
- Hoạt động phát quang mặt bằng, thu dọn sinh khối.
- Hoạt động vận hành dự án: khai thác đá tại khai trường bằng phương pháp nổ mìn; vận chuyển về khu chế biến và vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ; chế biến đá và nghiền sàng cát nhân tạo.
- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường khu vực Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; khoản 4 Điều 25 Nghị định

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn (*chất thải rắn sinh hoạt, thực vật thải, ...*), nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại trong hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển, cải tạo, phục hồi môi trường tác động đến môi trường xung quanh.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Nước thải, khí thải:**

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân làm việc tại Dự án với lưu lượng thải khoảng 1,75 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

+ Nước mưa chảy tràn khu vực khai thác và khu vực chế biến. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

+ Nước sử dụng cho hoạt động nghiền, sàng cát nhân tạo được thu gom về hệ thống bể lắng 06 ngăn tại dự án để xử lý, sau đó tuần hoàn tái sử dụng trong dây chuyền sản xuất, không thải ra ngoài môi trường. Thành phần ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn khai thác khoáng sản; từ các trạm nghiền sàng đá, trạm nghiền sàng cát nhân tạo; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>...

### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân làm việc tại Dự án, khoảng 17,5 kg/ngày (khoảng 5,075 tấn/năm). Thành phần chủ yếu: chai nhựa, lọ thủy tinh, giấy từ khu văn phòng, vỏ hộp, bao bì và thức ăn thừa.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Bùn thải phát sinh do nạo vét các ao lắng và từ quá trình xử lý nước thải của hệ thống nghiền sàng cát nhân tạo khoảng 10.112,2 m<sup>3</sup>/năm.

+ Thực vật thải phát sinh từ quá trình bóc tầng phủ khoảng 51 tấn. Thành phần chủ yếu: cành cây, bụi cỏ,....

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án với khối lượng khoảng 176 kg/năm. Thành phần

chủ yếu: các loại dầu nhớt thải khác, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy chì thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển nội mỏ, trạm nghiền sàng,....

3.4. Các tác động khác:

- Tác động đến hạ tầng; hoạt động sản xuất nông nghiệp dọc tuyến đường vận chuyển; hoạt động khai thác của các cơ sở khai thác khoáng sản xung quanh Dự án do quá trình khai thác khoáng sản, chủ yếu bụi, tiếng ồn, đá văng, chấn động do sóng không khí.

- Rủi ro, sự cố do sạt lở bờ moong trong hoạt động dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (ngăn chứa, ngăn lắng và ngăn lọc) có tổng dung tích 4,5 m<sup>3</sup>, sau đó được tiếp tục dẫn qua bể sinh học hiếu khí có dung tích 4 m<sup>3</sup> để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B, Bảng 2) sau đó tận dụng cho các hoạt động của Dự án, không thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất từ hệ thống nghiền sàng cát nhân tạo được thu gom về bể lắng 06 ngăn xây bằng bê tông cốt thép có dung tích khoảng 192 m<sup>3</sup> để lắng tách cặn. Nước sau lắng tiếp tục được dẫn về ao lắng 500 m<sup>2</sup> tại khu vực chế biến để sử dụng tuần hoàn cho quá trình nghiền, sàng cát nhân tạo, không thải ra ngoài.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tại khu vực khai thác: đào rãnh thoát nước mưa bố trí dọc theo chân tầng khai thác và dọc tuyến đường vận chuyển nội mỏ để dẫn về các hố thu tại vị trí thấp nhất dưới đáy moong, sau đó dẫn về 02 ao lắng 2.000 m<sup>2</sup> và 100 m<sup>2</sup>. Các rãnh được đào trên nền đất tự nhiên của mỏ.

+ Tại khu vực chế biến: đào rãnh thoát nước mưa bao quanh khu vực chế biến để dẫn về 02 ao lắng 2.000 m<sup>2</sup> và 100 m<sup>2</sup> tại khu vực chế biến để lắng cặn. Rãnh đào có tiết diện hình thang, được đào trên nền đất tự nhiên. Nước sau khi được lắng cặn sẽ được tận dụng lại cho hoạt động của dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt bảo đảm đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B, Bảng 2).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Máy móc, trang thiết bị khai thác sử dụng nhiên liệu theo quy định của nhà sản xuất; định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo quy định.

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm phải có bạt che kín thùng xe để tránh đất, đá rơi vãi, bụi theo gió thổi lên và tạt ra xung quanh; vận chuyển đúng tải trọng xe, không được chở quá tải trọng quy định.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực moong khai thác, khu vực chế biến và dọc tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.

- Sử dụng xe bồn để phun nước dập bụi trên tuyến đường vận chuyển trong và ngoài mỏ.

- Tại hệ thống nghiền sàng đá và hệ thống nghiền sàng cát nhân tạo đều lắp đặt 01 hệ thống phun sương dập bụi.

#### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

##### 4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng rác có dung tích 20 lít/thùng và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: thu gom, phân loại và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đối với nhóm chất thải phải xử lý theo quy định.

##### 4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: thu gom, phân loại, lưu chứa trong kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 10 m<sup>2</sup> và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

##### 4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT và các quy định khác có liên quan.

#### 4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các loại thiết bị, máy móc đúng công suất thiết kế đã nêu trong báo cáo và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao.

- Tuân thủ việc thực hiện nổ mìn theo đúng nội dung, điều kiện sử dụng tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được cấp và Phương án nổ mìn được cấp có thẩm quyền thẩm định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

#### 4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

##### 4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

###### a) Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

- Khu vực khai thác: san gạt đáy moong tạo mặt bằng và trồng cây trên toàn bộ diện tích; đào rãnh tạo hệ thống dẫn nước về ao lắng; gia cố bờ moong; làm hàng rào kẽm gai và lắp đặt biển báo xung quanh moong khai thác.

- Khu vực chế biến: tháo dỡ 02 hệ thống nghiền sàng, các hạng mục công trình phục vụ cho Dự án và vận chuyển toàn bộ khối lượng tháo dỡ ra khỏi phạm vi Dự án; san gạt mặt bằng và trồng cây trên toàn bộ diện tích; duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển.

###### b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Công trình	ĐVT	Khối lượng
<b>I</b>	<b>Khu vực khai thác</b>		
1	Rào hàng rào kẽm gai	m	1.245
	Số lượng trụ rào	trụ	498
	Khối lượng kẽm gai	kg	747
2	Lắp đặt biển báo	biển báo	42
3	Gia cố bờ moong	m <sup>3</sup>	127,79
4	Bố trí thu gom thoát nước mưa	m <sup>3</sup>	75
5	San gạt đáy moong	m <sup>3</sup>	37.509
6	Trồng cây đáy moong	cây	4.126
<b>II</b>	<b>Khu vực chế biến, đường vận chuyển</b>		
1	Trồng cây xung quanh khu vực sân công nghiệp	cây	949
2	Tháo dỡ và vận chuyển toàn bộ khối lượng tháo dỡ ra khỏi phạm vi Dự án		
	Diện tích tháo dỡ	m <sup>2</sup>	320
	Khối lượng nền	m <sup>3</sup>	64
	Diện tích mái tole tháo dỡ	m <sup>2</sup>	352
	Diện tích cửa	m <sup>2</sup>	32
	Tháo dỡ trạm biến áp	tấn	6
	Tháo dỡ trạm cân	tấn	15
	Tháo dỡ trạm nghiền sàng	tấn	130
3	San gạt mặt bằng và trồng cây		
	San gạt đáy moong kết thúc khai thác	m <sup>2</sup>	41.030
	Trồng cây khu v chế biến	cây	4.513

STT	Công trình	ĐVT	Khối lượng
4	Duy tu đường vận chuyển		
	Diện tích đường sỏi duy tu cải tạo	m <sup>2</sup>	1.920
	Diện tích đường nhựa duy tu, cải tạo	m <sup>2</sup>	300
5	Đo vẽ và quan trắc môi trường	ha	11,98

*c) Kế hoạch thực hiện:*

STT	Công trình	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Khu vực khai thác</b>			
1	Rào hàng rào kẽm gai	m	1.245	Thực hiện song song với quá trình khai thác
2	Lắp đặt biển báo	Biển báo	42	
3	Gia cố bờ moong	m <sup>3</sup>	127,79	
4	Bố trí thu gom thoát nước mưa	m <sup>3</sup>	75	
5	San gạt đáy moong	m <sup>3</sup>	37.509	Hoàn thành trong 6 tháng ngay khi kết thúc khai thác
6	Trồng cây đáy moong	cây	4.126	
<b>II</b>	<b>Khu vực phụ trợ, ngoài ranh dự án</b>			
1	Trồng cây xung quanh khu vực sân công nghiệp	cây	949	Thực hiện trong quá trình khai thác
2	Tháo dỡ và vận chuyển toàn bộ khối lượng tháo dỡ ra khỏi phạm vi Dự án			Hoàn thành trong 6 tháng sau khi kết thúc khai thác
3	San gạt mặt bằng và trồng cây			
4	Duy tu đường vận chuyển			
5	Đo vẽ và quan trắc môi trường	ha	11,98	

*d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:*

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 2.864.772.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Trong đó, số tiền đã ký quỹ là 321.086.051 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi một đồng). Số tiền còn lại phải ký quỹ là 2.543.685.949 đồng, làm tròn là 2.543.686.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi sáu đồng). Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Số lần ký quỹ: 05 lần.

- Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo: 508.737.200 đồng (Năm trăm lẻ tám triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm đồng).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Việc tính toán tiền ký quỹ cho từng năm có xác định yếu tố trượt giá sẽ do Chủ dự án thực hiện và gửi cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa để xem xét thẩm định và thông báo ký quỹ làm căn cứ để thực hiện.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ: theo quy định tại khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) *Sự cố cháy nổ:*

- Đảm bảo trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị chữa cháy theo đúng quy định.

- Ban hành nội quy yêu cầu công nhân viên làm việc tuân thủ quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; nghiêm cấm hút thuốc hay thực hiện các hoạt động có khả năng gây ra tia lửa tại khu vực có chứa nhiên liệu, khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

b) *Sự cố sạt lở bờ moong khai thác:*

- Khai thác theo đúng thiết kế, thực hiện đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, các thông số của hệ thống khai thác đã được phê duyệt.

- Thường xuyên quan sát vách moong, bờ tầng để phát hiện các vết nứt, khe nứt lớn, đá treo, nếu có phải xử lý an toàn tránh nguy cơ sạt lở bờ moong.

- Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

- Tập huấn cho lao động về các công tác ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Định kỳ tiến hành quan trắc địa bờ mỏ, quan trắc bề mặt để xác định các thông số dịch chuyển đất đá và dự báo các nguy cơ sạt lở trên bờ mỏ để nhanh chóng có biện pháp ứng phó.

c) *An toàn nổ mìn:*

- Đảm bảo an toàn nổ mìn theo QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và các quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan.

- Thực hiện công tác nổ mìn theo Phương án nổ mìn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chịu trách nhiệm đảm bảo công tác an toàn nổ mìn theo quy định.

- Phối hợp các mỏ lân cận để lập kế hoạch nổ mìn và trao đổi lịch nổ mìn phù hợp, đảm bảo an toàn, hiệu quả; bố trí giám đốc điều hành phụ trách công tác nổ mìn theo quy định.

- Thông báo với địa phương và các cơ sở, hộ dân xung quanh trước khi tiến hành nổ mìn để đảm bảo không có người trong khu vực nguy hiểm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân viên.

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường: thực hiện công tác thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắn; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh tại Dự án; thường xuyên theo dõi công tác vận hành các thiết bị, tiến hành bảo trì máy móc theo định kỳ; theo dõi, giám sát, kịp thời phát hiện, thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường:

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng đường sắt phía Nam đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, cụ thể như sau:

5.2.1. Chương trình giám sát chất lượng môi trường không khí:

a) Giai đoạn vận hành:

- Vị trí giám sát: 05 vị trí tại:

+ Vị trí 1: Tại ranh giới khu vực khai thác đầu hướng gió (*theo các mùa gió chủ đạo trong năm và theo tiến độ khai thác*).

+ Vị trí 2: Tại ranh giới khu vực khai thác cuối hướng gió (*theo các mùa gió chủ đạo trong năm và theo tiến độ khai thác*).

+ Vị trí 3: Tại ranh giới khu vực khu chế biến đầu hướng gió (*theo các mùa gió chủ đạo trong năm và theo tiến độ khai thác*).

+ Vị trí 4: Tại ranh giới khu vực khu chế biến cuối hướng gió (*theo các mùa gió chủ đạo trong năm và theo tiến độ khai thác*).

+ Vị trí 5: Trên tuyến đường vận chuyển cách ranh khu chế biến khoảng 260m về phía Tây có vị trí tọa độ  $X = 1.305.727$ ;  $Y = 591.790$  (*theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi  $3^{\circ}$* ).

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP),  $SO_2$ ,  $NO_2$ , CO, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại:

+ Vị trí 1: Tại ranh giới khu vực cải tạo, phục hồi môi trường đầu hướng gió (theo các mùa gió chủ đạo trong năm và theo tiến độ cải tạo, phục hồi môi trường).

+ Vị trí 2: Tại ranh giới khu vực cải tạo, phục hồi môi trường cuối hướng gió (theo các mùa gió chủ đạo trong năm và theo tiến độ cải tạo, phục hồi môi trường).

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 01 lần/giai đoạn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

#### 5.2.2. Quản lý, giám sát chất thải rắn:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

#### 5.2.5. Chương trình giám sát bờ moong:

Thường xuyên theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố trượt, sụt, lở đất đá. Quá trình này được ghi trong sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý mỏ để theo dõi sự biến động theo không gian và thời gian để Chủ dự án có biện pháp khắc phục các tác động do sự cố gây ra.

#### 5.2.6. Chương trình giám sát chấn động do nổ mìn:

Thực hiện giám sát nổ mìn theo QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

### 6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Tổ chức khai thác đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất và các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến an toàn theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

- Lập và thực hiện kế hoạch, phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, cháy nổ, sự cố môi trường hàng năm (đá lăn, đá văng, trượt lở, sụt lún, sạt lở bờ mỏ, bãi thải) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng sụt lún, sạt lở, trôi lấp đất đá, mất an toàn khi nổ mìn phải

dừng ngay hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản và công tác cải tạo, phục hồi môi trường phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung được quy định tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung.

- Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và thiết kế các hạng mục công trình của Dự án; tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo công nhân và dân cư xung quanh mỏ thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có nguy cơ rủi ro cao khác.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện việc ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh, trật tự; thường xuyên theo dõi, đánh giá, đảm bảo an toàn đối với các hộ dân gần khu vực triển khai Dự án; kịp thời xử lý đảm bảo an toàn và tránh thiệt hại về người và tài sản của hộ dân khu vực trong quá trình triển khai Dự án.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư và thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

